

Số: 18 /2012/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 30 tháng 11 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành “Quy định về quản lý hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản, đấu giá quyền khai thác khoáng sản, sử dụng bến bãi để chứa và trung chuyển khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Bình”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Đê điều ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản; Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 9 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 113/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 6 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đê điều; Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 688/TTr-STNMT ngày 15/11/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về quản lý hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản, đấu giá quyền khai thác khoáng sản, sử dụng bến bãi để chứa và trung chuyển khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Bình”.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phổ biến và hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 64/2005/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình về việc ban hành “Quy định về quản lý hoạt động thăm dò, khai thác cát, sử dụng bến bãi để chứa và trung chuyển cát thuộc các sông và bãi biển trên địa bàn tỉnh Thái Bình”.

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở, Thủ trưởng các ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Phạm Văn Sinh*

Nơi nhận:

- Bộ TNMT;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy; Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- TT Công báo;
- Lưu: VT, NN, **VH.**

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Phạm Văn Sinh

Phạm Văn Sinh

QUY ĐỊNH

Về quản lý hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản, đấu giá quyền khai thác khoáng sản, sử dụng bến bãi để chứa và trung chuyển khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/2012/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2012 của UBND tỉnh Thái Bình)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy định này quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, thăm định, xét và phê duyệt trữ lượng khoáng sản, đấu giá quyền khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, khoáng sản tại các khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố, khai thác tận thu khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Bình và sử dụng bến bãi để chứa và trung chuyển khoáng sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

1. Các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.
2. Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có đủ điều kiện hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản tại các khu vực đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản và không thuộc khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ.

1. *Hoạt động khoáng sản* bao gồm hoạt động thăm dò khoáng sản, hoạt động khai thác khoáng sản.
2. *Thăm dò khoáng sản* là hoạt động nhằm xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản và các thông tin khác phục vụ khai thác khoáng sản.
3. *Khai thác khoáng sản* là hoạt động nhằm thu hồi khoáng sản, bao gồm xây dựng cơ bản mỏ, khai đào, phân loại, làm giàu và các hoạt động khác có liên quan.
4. *Đấu giá quyền khai thác khoáng sản* là hình thức bán quyền khai thác khoáng sản công khai theo phương thức trả giá tăng cao theo nguyên tắc và trình tự quy định.
5. *Bảo lãnh dự đấu giá* là cam kết của tổ chức tín dụng bảo đảm khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính của tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Chương II

TRÌNH TỰ THỦ TỤC CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN; THU HỒI, CHẤM DỨT HIỆU LỰC GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN VÀ ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

Mục 1

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, GIA HẠN, TRẢ LẠI GIẤY PHÉP, TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH THĂM DÒ KHOÁNG SẢN, CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Điều 4. Hồ sơ cấp, gia hạn, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản, chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản:

a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

b) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản;

+ Đề án thăm dò khoáng sản;

+ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực:

+ Bản cam kết bảo vệ môi trường đối với trường hợp thăm dò khoáng sản độc hại;

+ Văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản;

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

+ Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài;

+ Văn bản của ngân hàng nơi tổ chức, cá nhân đăng ký tài khoản giao dịch xác nhận về vốn chủ sở hữu theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 40 Luật Khoáng sản.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản:

a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

b) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính:

+ Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản;

+ Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm đề nghị gia hạn và kế hoạch thăm dò tiếp theo;

+ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực:

+ Các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.

3. Hồ sơ đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản:

a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

b) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính:

+ Đơn đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản;

+ Giấy phép thăm dò khoáng sản;

+ Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm đề nghị trả lại;

+ Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản, kế hoạch thăm dò tiếp theo trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực:

+ Các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị trả lại.

4. Hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản:

a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

b) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính:

+ Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản;

+ Hợp đồng chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản;

+ Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực:

+ Các văn bản chứng minh việc tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã hoàn thành nghĩa vụ quy định tại các điểm b,c,d và e Khoản 2 Điều 42; Khoản 3 Điều 43 Luật Khoáng sản đến thời điểm chuyển nhượng;

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản hoặc Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài.

Điều 5. Trình tự thực hiện thủ tục cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường.

1. Đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản:

a) Khi nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời gian tiếp nhận và thông báo về hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của các tổ chức, cá nhân khác là 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân đầu tiên.

b) Trường hợp hết thời gian thông báo quy định tại điểm a Khoản này mà chỉ có một tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản thì tổ chức, cá nhân đó được lựa chọn để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 34 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 40 Luật Khoáng sản.

c) Trường hợp hết thời gian thông báo quy định tại điểm a khoản này mà có từ hai tổ chức, cá nhân trở lên đã đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 34 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều 40 Luật Khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản thì tổ chức, cá nhân được lựa chọn để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản khi đáp ứng được nhiều nhất các điều kiện sau đây:

- Tại thời điểm xét hồ sơ, có vốn chủ sở hữu chiếm tỷ lệ lớn nhất so với tổng vốn đầu tư để thực hiện đề án thăm dò.

- Là tổ chức, cá nhân đã tham gia vốn đầu tư điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản ở khu vực dự kiến cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Có cam kết sau khi thăm dò có kết quả sẽ khai thác, sử dụng khoáng sản phục vụ cho nhu cầu sản xuất trong nước phù hợp với quy hoạch khoáng sản đã được phê duyệt.

d) Trường hợp các tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản đều đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thì tổ chức, cá nhân nào nộp hồ sơ trước tính theo thời điểm ghi trong phiếu tiếp nhận hồ sơ sẽ được lựa chọn để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.

e) Trường hợp lựa chọn được tổ chức, cá nhân để cấp phép thăm dò, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ và thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân được lựa chọn tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh. Đối với các tổ chức, cá nhân không được lựa chọn

để cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Đối với hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực chưa thăm dò khoáng sản:

a) Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản tại Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

3. Thẩm định hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản:

a) Trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các sở ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã nơi có mỏ khoáng sản tiến hành kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản và kiểm tra thực địa.

b) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc quy định tại điểm a Khoản này, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản xin ý kiến về đề án thăm dò khoáng sản và các vấn đề liên quan đến việc cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản đến các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã nơi có mỏ khoáng sản.

Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn nêu trên mà không có văn bản trả lời thì coi như cơ quan được lấy ý kiến đã đồng ý.

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn lấy ý kiến quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp ý kiến tham gia vào đề án; thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản chỉnh sửa, bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép thăm dò bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản.

4. Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản. Trường hợp không cấp Giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Trả hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề

ngộ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản đến nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

Điều 6. Trình tự thực hiện thủ tục gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản.

1. Tiếp nhận hồ sơ:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

2. Giải quyết hồ sơ:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

b) Trong thời hạn không quá 13 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành công việc tại điểm a Khoản này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

c) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản. Trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trả kết quả giải quyết hồ sơ.

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản.

Mục 2

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

Điều 7. Hồ sơ đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản.

a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

b) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính:

- + Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản;
 - + Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản kèm theo các phụ lục, bản vẽ và các tài liệu nguyên thủy liên quan; phụ lục luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản;
 - + Biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình thăm dò khoáng sản đã thi công của tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản;
 - + Dữ liệu được ghi trên đĩa CD.
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: Đề án thăm dò khoáng sản đã được thẩm định và Giấy phép thăm dò khoáng sản.

Điều 8. Trình tự thực hiện thủ tục phê duyệt trữ lượng khoáng sản.

1. Tiếp nhận hồ sơ:

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản tại Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm tra hồ sơ trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thu phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, hướng dẫn 01 lần bằng văn bản để tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

2. Kiểm tra báo cáo trữ lượng khoáng sản:

a) Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra toàn bộ tài liệu báo cáo; kiểm tra thực địa khu vực thăm dò khoáng sản, mẫu lõi khoan, hào, giếng trong trường hợp xét thấy cần thiết.

b) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc quy định tại điểm a Khoản này, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi báo cáo kết quả thăm dò đến các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã nơi có mỏ khoáng sản để lấy ý kiến góp ý.

Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan.

c) Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc công việc quy định tại điểm b Khoản này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp ý kiến, hoàn chỉnh hồ sơ.

Trường hợp báo cáo không đạt yêu cầu, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do kèm theo ý kiến nhận xét bằng văn bản của các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, xã nơi có mỏ khoáng sản để tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản bổ sung, hoàn

chỉnh báo cáo. Thời gian tổ chức, cá nhân hoàn chỉnh báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo.

3. Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò:

a) Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành nội dung công việc quy định tại điểm c khoản 2 Điều này, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan thẩm định báo cáo kết quả thăm dò, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trữ lượng trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng tư vấn kỹ thuật gồm một số thành viên là đại diện cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và một số chuyên gia có chuyên môn sâu về thăm dò khoáng sản để thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản trước khi phê duyệt trữ lượng khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép.

b) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên họp thẩm định trữ lượng trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành biên bản họp. Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản theo ý kiến phiên họp thẩm định, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện kèm theo biên bản họp.

Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định báo cáo.

c) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thăm dò đã bổ sung, hoàn chỉnh của tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản theo quy định.

d) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

4. Trả kết quả phê duyệt trữ lượng khoáng sản

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng đến nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan.

Mục 3

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, GIA HẠN, TRẢ LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN, TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN, CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN; CẤP, GIA HẠN, TRẢ LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Điều 9. Hồ sơ cấp, gia hạn, trả lại giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản, chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản:

a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

b) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính:

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản;

+ Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản;

+ Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực:

+ Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trữ lượng khoáng sản;

+ Văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực đã có kết quả thăm dò;

+ Giấy chứng nhận đầu tư;

+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo quyết định phê duyệt hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường kèm theo giấy xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

+ Văn bản xác nhận vốn chủ sở hữu theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 53 Luật Khoáng sản.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản:

a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

b) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính:

+ Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản;

+ Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị gia hạn;

+ Báo cáo kết quả hoạt động khai thác tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các Điểm a, b, c, đ, e và g Khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.

3. Hồ sơ đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản:

a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

b) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính:

+ Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản;

+ Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị trả lại;

+ Giấy phép khai thác khoáng sản;

+ Báo cáo kết quả hoạt động khai thác tính đến thời điểm đề nghị trả lại;

+ Đề án đóng cửa mỏ trong trường hợp trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực:

+ Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các Điểm a, b, c, đ, e và g Khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại.

4. Hồ sơ đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản:

a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

b) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính:

+ Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản;

+ Hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, kèm theo bản kê giá trị tài sản chuyển nhượng;

+ Bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị chuyển nhượng;

+ Báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực:

+ Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các Điểm a, b, c, đ và g Khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm chuyển nhượng;

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

+ Giấy chứng nhận đầu tư của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

Điều 10. Hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản:

a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

b) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính:
 - + Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;
 - + Bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản;
 - + Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt.
- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực:
 - + Giấy chứng nhận đầu tư;
 - + Báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo quyết định phê duyệt hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường kèm theo giấy xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

- + Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản:

a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

b) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính:
 - + Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;
 - + Báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực:

- + Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ qui định tại các Điểm a, b, c, đ, e và g Khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.

3. Hồ sơ đề nghị trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản:

a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

b) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính:
 - + Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;
 - + Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản;
 - + Báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại giấy phép;
 - + Đề án đóng cửa mỏ.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực:

- + Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các Điểm a, b, c, đ, e và g Khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại.

Điều 11. Trình tự thực hiện việc cấp giấy phép khai thác khoáng sản.

1. Tiếp nhận hồ sơ:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị khai thác tại Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

2. Thẩm định hồ sơ:

a) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa;

b) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc quy định tại điểm a khoản này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm gửi văn bản xin ý kiến đến các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã nơi có mỏ khoáng sản để lấy ý kiến góp ý bằng văn bản về việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.

Trong thời hạn không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn nêu trên mà không có văn bản trả lời thì coi như cơ quan được lấy ý kiến đã đồng ý.

c) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc công việc quy định tại điểm b Khoản này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp ý kiến, xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp phép hoặc không cấp phép. Trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định cấp giấy phép khai thác khoáng sản của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và thu các khoản phí, lệ phí cấp phép theo quy định.

Điều 12. Trình tự thực hiện cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

1. Tiếp nhận hồ sơ:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, ban hành văn bản

tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

2. Thẩm định hồ sơ:

a) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản và kiểm tra thực địa;

b) Trong thời hạn không quá 11 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành công việc quy định tại điểm a khoản này, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp phép hoặc không cấp phép. Trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và thu các khoản phí, lệ phí cấp phép theo quy định.

Điều 13. Trình tự thực hiện thủ tục gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản; gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

1. Tiếp nhận hồ sơ:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản; gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

2. Thẩm định hồ sơ:

a) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra tọa độ, thực địa, diện tích khu vực đề nghị gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản; đối với trường hợp gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản thì thời hạn hoàn thành các công việc trên không quá 03 ngày làm việc.

b) Trong thời hạn không quá 14 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành công việc quy định tại điểm a khoản này, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép khai thác khoáng

sản; đối với trường hợp gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản thì thời hạn hoàn thành các công việc trên không quá 05 ngày làm việc.

c) Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản; gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, chuyển nhượng, trả lại một phần diện tích, trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản; gia hạn, trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Mục 4

THU HỒI, CHẤM DỨT HIỆU LỰC GIẤY PHÉP THĂM DÒ, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN; THU HỒI GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Điều 14. Thu hồi, chấm dứt hiệu lực Giấy phép thăm dò khoáng sản.

1. Giấy phép thăm dò khoáng sản bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 06 tháng, kể từ ngày giấy phép có hiệu lực, tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản không tiến hành thăm dò, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản vi phạm một trong các nghĩa vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ và e Khoản 2 Điều 42 của Luật Khoáng sản mà không khắc phục trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản có thông báo bằng văn bản;

c) Khu vực được phép thăm dò khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản hoặc khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

2. Giấy phép thăm dò khoáng sản chấm dứt hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Giấy phép bị thu hồi;

b) Giấy phép hết hạn;

c) Giấy phép được trả lại;

d) Tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản giải thể hoặc phá sản.

3. Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Giấy phép thăm dò khoáng sản chấm dứt hiệu lực theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều này, tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản phải di chuyển toàn bộ tài sản của mình và của các bên liên quan ra khỏi khu vực thăm dò; san lấp công trình thăm dò, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, phục hồi môi trường, đất đai; giao nộp mẫu vật, thông

tin về khoáng sản đã thu thập được cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản đang đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.

Điều 15. Thu hồi, chấm dứt hiệu lực Giấy phép khai thác khoáng sản.

1. Giấy phép khai thác khoáng sản bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 12 tháng, kể từ ngày giấy phép có hiệu lực, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản chưa xây dựng cơ bản mỏ, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Sau 12 tháng, kể từ ngày dự kiến bắt đầu khai thác, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản chưa tiến hành khai thác, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm một trong các nghĩa vụ quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e và g Khoản 2 Điều 55 của Luật Khoáng sản mà không khắc phục trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về khoáng sản có thông báo bằng văn bản;

d) Khu vực được phép khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

2. Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Giấy phép bị thu hồi;

b) Giấy phép hết hạn;

c) Giấy phép được trả lại;

d) Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản giải thể hoặc phá sản.

3. Khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực thì các công trình, thiết bị bảo đảm an toàn mỏ, bảo vệ môi trường ở khu vực khai thác khoáng sản thuộc sở hữu nhà nước, không được tháo dỡ, phá hủy. Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải di chuyển tài sản còn lại của mình và của các bên có liên quan ra khỏi khu vực khai thác khoáng sản, sau thời hạn này tài sản còn lại thuộc sở hữu nhà nước.

4. Trong thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện các nghĩa vụ có liên quan đến việc đóng cửa mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường và đất đai theo quy định của Luật Khoáng sản và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 16. Thu hồi Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

1. Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 69 của Luật Khoáng sản;

b) Khu vực khai thác tận thu khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

2. Khi Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản bị thu hồi hoặc hết hạn thì tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản phải di chuyển toàn bộ tài sản của mình ra khỏi khu vực khai thác, thực hiện công tác cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Trường hợp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản bị thu hồi theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thì tổ chức, cá nhân khai thác tận thu khoáng sản được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Mục 5

ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

Điều 17. Đóng cửa mỏ khoáng sản.

Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải lập đề án đóng cửa mỏ đối với toàn bộ hoặc một phần diện tích khai thác khoáng sản trong các trường hợp sau đây:

1. Đã khai thác hết toàn bộ hoặc một phần trữ lượng;

2. Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực nhưng chưa khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong khu vực khai thác khoáng sản.

Điều 18. Hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản:

a) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

b) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính:

+ Đơn đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản;

+ Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

+ Giấy phép khai thác khoáng sản;

+ Bản đồ hiện trạng khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực:

+ Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ qui định tại Điểm a, b, c, d, e và g Khoản 2, Điều 55 Luật Khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ.

Điều 19. Lập và tổ chức thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước khi thực hiện.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản giải thể, phá sản hoặc không có khả năng thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thì Ủy ban nhân

dân tỉnh lựa chọn tổ chức, cá nhân có đủ năng lực lập, thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản. Kinh phí thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được lấy từ tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân được phép khai thác.

Điều 20. Trình tự thực hiện đóng cửa mỏ khoáng sản.

1. Tiếp nhận hồ sơ:

a) Tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra, thẩm định hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

2. Thẩm định hồ sơ:

a) Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản và kiểm tra thực địa;

b) Trong thời hạn không quá 11 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành công việc quy định tại điểm a khoản này, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc đóng cửa mỏ hoặc không đóng cửa mỏ. Trường hợp không đóng cửa mỏ thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được kết quả của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân và thu các khoản phí, lệ phí theo quy định.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Điều 21. Những quy định chung.

1. Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 8 và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 9 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

2. Phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản chỉ được tiến hành khi có ít nhất 03 tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia đấu giá.

3. Chỉ tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại các khu vực đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch đấu giá.

4. Giá khởi điểm do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trước khi tổ chức đấu giá. Giá khởi điểm trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản không thấp hơn tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

5. Tiền đặt trước là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải nộp trước khi tham gia phiên đấu giá được tính bằng đồng Việt Nam; Tiền đặt trước được hoàn trả cho tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá ngay sau khi kết thúc phiên đấu giá, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP.

Điều 22. Đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

1. Phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản do tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp điều hành. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thường trực chuẩn bị hồ sơ, tài liệu trước và sau phiên đấu giá.

2. Trong trường hợp mỏ khoáng sản có cấu trúc địa chất phức tạp hoặc không thuê được tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng đấu giá để tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Thành phần Hội đồng đấu giá không quá 11 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là 01 lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Các thành viên là đại diện lãnh đạo các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Xây dựng và đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có khu vực khoáng sản được đưa ra đấu giá và một số chuyên gia thuộc lĩnh vực chuyên sâu; đại diện của Sở Tài nguyên và Môi trường là thư ký Hội đồng.

Thường trực Hội đồng đấu giá là Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 23. Lập kế hoạch và thông báo khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản; hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

1. Căn cứ lập kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Các khu vực hoạt động khoáng sản thuộc quy hoạch khoáng sản quy định tại Điểm b, c và Điểm d Khoản 1 Điều 10 Luật Khoáng sản đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Các khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 78 Luật Khoáng sản đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

- Kết quả và tình hình thực tế hoạt động khai thác, chế biến sâu khoáng sản trên địa bàn các địa phương và cả nước; nhu cầu khoáng sản cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng và của cả nước trong năm tiếp theo.

2. Trách nhiệm lập, phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, hàng năm Sở Tài nguyên và Môi trường lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản và đăng tải công khai trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường lập hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo nội dung quy định tại Điều 15 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP và tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản của tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia.

Thời hạn tiếp nhận hồ sơ là 30 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thông báo thông tin về phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP.

3. Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành xét chọn hồ sơ để lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia phiên đấu giá và báo cáo Chủ tịch Hội đồng đấu giá. Những hồ sơ không được xét chọn, phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân biết.

Trường hợp đấu giá thông qua tổ chức đấu giá chuyên nghiệp, Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển hồ sơ đấu giá của các tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia đấu giá cho tổ chức đấu giá chuyên nghiệp để thực hiện đấu giá theo quy định.

4. Trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả xét chọn hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc tổ chức đấu giá chuyên nghiệp phải tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo công khai danh sách tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá tại trụ sở cơ quan và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi tiến hành phiên đấu giá; thông báo bằng văn bản về thời gian, địa điểm họp trao đổi về các thông tin liên quan đến phiên đấu giá; thời điểm khảo sát thực địa khu vực đấu giá; thời gian nộp phí tham gia đấu giá và tiền đặt trước cho tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá.

Điều 24. Trình tự, nguyên tắc tiến hành phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

1. Trước khi tiến hành phiên đấu giá, người tham gia đấu giá phải xuất trình Hội đồng đấu giá hoặc tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp giấy giới thiệu tư cách của tổ chức được tham gia phiên đấu giá; xuất trình giấy chứng minh nhân dân và giấy biên nhận đã nộp phí tham gia đấu giá; tiền đặt trước hoặc giấy bảo lãnh dự đấu giá. Một tổ chức tham gia đấu giá chỉ được cử không quá 03 người tham gia phiên đấu giá, trong đó có 01 người đại diện được phát giá.

2. Mở đầu phiên đấu giá, thư ký Hội đồng đấu giá giới thiệu các thành viên Hội đồng đấu giá và đại diện cơ quan, tổ chức có liên quan; phổ biến nội quy phiên đấu giá; công bố danh sách tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá; điểm danh người tham gia đấu giá và người phát giá; giải đáp các câu hỏi (nếu có).

3. Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc người điều hành phiên đấu giá tiến hành phiên đấu giá theo hình thức đấu giá bằng phiếu kín trực tiếp từng vòng đấu giá, liên tục không gián đoạn trong suốt phiên đấu giá. Phiên đấu giá chỉ kết thúc sau khi đã xác định được người trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Người trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản là tổ chức, cá nhân duy nhất có phiếu trả giá cao nhất so với giá khởi điểm sau tất cả các vòng đấu giá hoặc là tổ chức, cá nhân trúng khi bốc thăm trong trường hợp quy định tại khoản 6 Điều này.

4. Sau mỗi vòng đấu giá, Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc người điều hành phiên đấu giá thông báo công khai mức trả giá cao nhất của vòng bỏ phiếu. Trường hợp có từ hai phiếu trở lên trả giá cao nhất bằng nhau thì Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc người điều hành phiên đấu giá tiếp tục phát phiếu để bắt đầu trả giá cho vòng đấu giá tiếp theo.

Giá khởi điểm của vòng đấu giá tiếp theo là mức giá trả cao nhất của vòng đấu giá kế trước. Giá ghi trong phiếu tham gia đấu giá là hợp lệ khi có giá trị bằng giá khởi điểm cộng với số nguyên lần bước giá.

5. Mọi diễn biến trong phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải lập thành biên bản. Kết thúc phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc người điều hành phiên đấu giá công bố công khai kết luận của Hội đồng và người trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải ký vào biên bản đấu giá ngay tại phiên đấu giá.

6. Các trường hợp đặc biệt

a) Trường hợp liên tiếp qua ba vòng đấu giá mà vẫn có từ hai người trở lên phát giá cao nhất bằng nhau, Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc người điều hành phiên đấu giá tổ chức bốc thăm công khai để chọn người trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

b) Trường hợp tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản từ chối nhận kết quả trúng đấu giá thì người trả giá thấp hơn liền kề được Hội đồng đấu giá xem xét phê duyệt trúng giá bổ sung;

c) Trường hợp người trúng giá bổ sung từ chối không nhận kết quả trúng đấu giá thì Hội đồng đấu giá ra văn bản hủy bỏ kết quả phiên đấu giá và báo cáo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép để xem xét, quyết định.

Điều 25. Phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

1. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá. Hồ sơ bao gồm:

- a) Biên bản phiên đấu giá;
- b) Hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá;
- c) Dự thảo văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

2. Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá. Trường hợp không phê duyệt phải có thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do và các yêu cầu bổ sung (nếu có).

3. Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá là căn cứ pháp lý để Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cấp phép hoạt động khoáng sản cho tổ chức, cá nhân trúng đấu giá theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

Điều 26. Thông báo kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản; tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

1. Kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải được thông báo công khai tại trụ sở cơ quan Sở Tài nguyên và Môi trường và trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh ngay sau khi kết thúc phiên đấu giá.

2. Giá trị trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản sau khi đấu giá ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được xác định là tiền trúng đấu giá của tổ chức, cá nhân được tính bằng đồng Việt Nam. Thời điểm xác định tiền trúng đấu giá ngay sau khi kết thúc phiên đấu giá.

3. Giá trị trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản khi đấu giá ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản là tỷ lệ phần trăm trữ lượng khoáng sản nằm trong khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Thời điểm xác định tiền trúng đấu giá trước khi cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.

4. Phương thức thu, chế độ quản lý và sử dụng tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THĂM DÒ, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ SỬ DỤNG BÉN BÃI ĐỂ CHỨA, TRUNG CHUYÊN KHOÁNG SẢN

Điều 27. Trách nhiệm bảo vệ khoáng sản của tổ chức, cá nhân.

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản có trách nhiệm:

a) Khi thăm dò khoáng sản phải đánh giá tổng hợp và báo cáo đầy đủ các loại khoáng sản phát hiện được trong khu vực thăm dò cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép;

b) Khi khai thác khoáng sản phải áp dụng công nghệ tiên tiến, phù hợp với quy mô, đặc điểm từng mỏ, loại khoáng sản để thu hồi tối đa các loại khoáng sản được phép khai thác; nếu phát hiện khoáng sản mới phải báo cáo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh; quản lý, bảo vệ khoáng sản đã khai thác nhưng chưa sử dụng hoặc khoáng sản chưa thu hồi được.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng đất có trách nhiệm:

Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong diện tích đất đang sử dụng; không được tự ý khai thác khoáng sản, trừ trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 64 của Luật Khoáng sản.

Điều 28. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

1. Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản. Nhà nước thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thông qua đấu giá hoặc không đấu giá.

2. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định căn cứ vào giá, trữ lượng, chất lượng khoáng sản, loại hoặc nhóm khoáng sản, điều kiện khai thác khoáng sản.

Điều 29. Thủ tục cho thuê đất phục vụ thăm dò, khai thác khoáng sản và làm bến bãi để chứa và trung chuyển khoáng sản.

Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện thăm dò, khai thác khoáng sản có nhu cầu sử dụng đất để phục vụ cho hoạt động khoáng sản và làm bến bãi để chứa và trung chuyển khoáng sản thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Điều 30. Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo thẩm quyền; cho thuê đất theo quy định của pháp luật để thực hiện các dự án thăm dò, khai thác khoáng sản và sử dụng bến bãi để chứa và trung chuyển khoáng sản trong tỉnh.

Điều 31. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản, sử dụng bến bãi để chứa và trung chuyển khoáng sản trên địa bàn tỉnh, có nhiệm vụ cụ thể:

1. Hướng dẫn tổ chức, cá nhân có nhu cầu thăm dò, khai thác khoáng sản lập hồ sơ, đề án; tiếp nhận hồ sơ; tổ chức thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực địa, lấy ý kiến của các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã nơi có khoáng sản.

2. Xây dựng kế hoạch, biện pháp phối, kết hợp với các ngành chức năng trong tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã nơi có khoáng sản thực hiện việc giám sát, thanh tra, kiểm tra công tác quản lý và bảo vệ tài nguyên khoáng sản

tại địa phương theo quy định; việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân có hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng bển bãi để chứa và trung chuyển khoáng sản.

3. Giải quyết hoặc tham gia giải quyết việc tranh chấp về hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản, sử dụng bển bãi để chứa và trung chuyển khoáng sản; xử lý theo thẩm quyền các vi phạm pháp luật về khoáng sản.

Điều 32. Các sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật có trách nhiệm như sau:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo việc thực hiện các nội dung thỏa thuận về an toàn đê điều và thoát lũ của các dự án thăm dò, khai thác khoáng sản, sử dụng bển bãi trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Xây dựng: Lập quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng và quy hoạch bển bãi chứa vật liệu xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Sở Công thương: Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản lập hồ sơ thiết kế mỏ, tổ chức thẩm định phê duyệt theo quy định của pháp luật (có sự tham gia của các sở ngành liên quan).

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản lập Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

5. Sở Tài chính: Chủ trì phối hợp cơ quan thuế và các đơn vị có liên quan tăng cường các biện pháp kiểm tra quản lý thu thuế, phí, lệ phí về hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cơ chế điều tiết khoản thu từ hoạt động khoáng sản để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho các địa phương có hoạt động khoáng sản; đồng thời hướng dẫn quản lý sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khoáng sản.

6. Công an tỉnh, Bộ đội biên phòng tỉnh: Phối hợp với các sở ngành liên quan tham gia các đợt thanh tra liên ngành trên toàn tỉnh để xử lý các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về khoáng sản; Chỉ đạo tăng cường công tác tuần tra, thanh tra, kiểm tra để phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật khoáng sản.

7. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Thỏa thuận, giới thiệu địa điểm sử dụng đất làm bển bãi để chứa và trung chuyển khoáng sản cho các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản sau khi đã thống nhất với các sở ngành liên quan theo thẩm quyền.

b) Chỉ đạo, thực hiện công tác giải phóng mặt bằng; Phối hợp với các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản triển khai công tác bồi thường thiệt hại để giải phóng mặt bằng và các điều kiện liên quan khác cho các tổ chức, cá nhân thực hiện các dự án thăm dò, khai thác khoáng sản, sử dụng bển bãi để chứa và

trung chuyên khoáng sản theo quy định của pháp luật và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

c) Tuyên truyền, giáo dục, hướng dẫn chỉ đạo và kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật về khoáng sản của Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản; kiến nghị và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm theo thẩm quyền.

d) Phối hợp với các ngành chức năng của tỉnh chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa được khai thác ở địa phương, kết hợp với việc bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên khác, bảo đảm an ninh, trật tự xã hội, bảo vệ tính mạng, sức khỏe của nhân dân, tài sản của nhà nước và của công dân.

e) Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện tốt việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân lập hồ sơ hoạt động khoáng sản; tham gia thẩm tra thực địa, thẩm tra hồ sơ để cấp Giấy phép hoạt động khoáng sản.

8. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn:

a) Giải quyết theo thẩm quyền các vấn đề có liên quan cho tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản tại địa phương theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, khoáng sản chưa khai thác theo quy định của pháp luật; bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội tại khu vực có khoáng sản.

c) Phối hợp chặt chẽ với ngành tài nguyên và môi trường thực hiện các công việc hướng dẫn tổ chức, cá nhân lập hồ sơ hoạt động khoáng sản; tham gia kiểm tra thực địa, thẩm tra hồ sơ để cấp Giấy phép hoạt động khoáng sản; phối hợp với cơ quan thanh tra, kiểm tra giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo có nội dung liên quan đến hoạt động khoáng sản tại địa phương.

Điều 33. Công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng bển bãi để chứa và trung chuyên khoáng sản:

1. Thanh tra chuyên ngành Tài nguyên và Môi trường thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều 83 của Luật Khoáng sản; chủ trì phối hợp với thanh tra các sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra liên ngành, giám sát hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản, sử dụng bển bãi để chứa và trung chuyên khoáng sản bảo đảm đúng quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh; bảo đảm an ninh, trật tự xã hội, bảo vệ môi trường, sinh thái và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn tỉnh.

2. Thanh tra tỉnh theo dõi, tổng hợp và tổ chức thực hiện việc thanh tra định kỳ theo thẩm quyền và theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thường xuyên thanh tra, kiểm tra các hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản, sử dụng bển bãi thuộc địa bàn quản lý, kịp thời xử lý các hành vi vi phạm theo thẩm quyền; báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 34. Xử lý vi phạm.

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản, sử dụng bến bãi để chứa và trung chuyển khoáng sản có hành vi vi phạm Quy định này; các cơ quan quản lý nhà nước các cấp không thực hiện trách nhiệm được giao hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn, cố ý làm trái các quy định gây thiệt hại cho Nhà nước, cho các tổ chức, cá nhân tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Khiếu nại, tố cáo có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng bến bãi để chứa và trung chuyển khoáng sản được giải quyết theo quy định của Luật Khiếu nại và Luật Tố cáo.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản trước ngày Luật Khoáng sản có hiệu lực (01/7/2011) thì được tiếp tục thực hiện đến hết thời hạn quy định trong giấy phép.

Kể từ ngày Luật Khoáng sản có hiệu lực, tổ chức, cá nhân đang thực hiện theo giấy phép khai thác được cấp trước ngày Luật Khoáng sản có hiệu lực phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với phần trữ lượng khoáng sản chưa khai thác.

Điều 36. Trong quá trình triển khai thực hiện quy định nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung kịp thời. / *Phạm Văn Sinh*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Phạm Văn Sinh

Phạm Văn Sinh